

## KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin

Căn cứ Kết luận số 141-KL/TU ngày 18/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII), Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) “về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin” từ nay đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh như sau:

### I. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU .

1. Mục tiêu phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin (BCVT&CNTT):

- Trong giai đoạn 2011-2015, phải tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên cả ba mặt: Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin; sớm đưa BCVT&CNTT của tỉnh phát triển đạt mức khá trong cả nước.

- Tiếp tục phổ cập các loại hình dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã. Phát triển bưu chính theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại.

- Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng BCVT&CNTT hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn, chất lượng cao, dung lượng lớn, cung cấp nhiều dịch vụ mới, dịch vụ gia tăng với độ phủ sóng rộng khắp trên toàn tỉnh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc gia. Thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi toàn tỉnh. Xây dựng công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP của tỉnh.

- Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 có chất lượng, thân thiện, hiệu quả nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách thủ tục hành chính, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong hệ thống chính quyền các cấp.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với bình quân cả nước và của vùng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ BCVT&CNTT hằng năm đạt từ 1,5-2 lần tốc độ tăng trưởng GDP trở lên. Đến năm 2015, tỷ trọng BCVT&CNTT đóng góp vào GDP đạt từ 6 - 8%.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015:

### a) Về hạ tầng viễn thông băng rộng:

- Bán kính các điểm phục vụ BCVT bình quân đạt dưới 1,4 km/điểm; 100% xã, phường, thị trấn có thư, báo đến trong ngày.

- Cơ bản hoàn thành mạng băng rộng đến các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; kết nối Internet băng rộng đến tất cả các trường học; phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 80% dân cư. Nâng mật độ thuê bao điện thoại lên 135 thuê bao/100 dân; tỷ lệ người sử dụng internet đạt 40%.

- Có 100% các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố và 80% xã, thị trấn kết nối với mạng diện rộng của UBND tỉnh bằng đường truyền chuyên dùng tốc độ cao, an toàn; tất cả các phòng, ban và các xã, phường, thị trấn được kết nối mạng LAN với UBND các huyện, thị xã, thành phố; tỷ lệ CBCC cấp huyện có máy tính làm việc đạt 1 máy/CBCC.

### b) Về nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

Bảo đảm 100% các sở, ban, ngành và địa phương có cán bộ chuyên trách về CNTT với trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 100% Phòng VH TT các huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT-TT; 100% lãnh đạo quản lý (CIO) được bồi dưỡng nâng cao kiến thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; 100% CBCC, VC cấp tỉnh và huyện, 80% cán bộ cấp xã có đủ kiến thức, khả năng ứng dụng thông thạo CNTT trong công việc.

### c) Về ứng dụng công nghệ thông tin:

- Có 100% cơ quan thuộc UBND tỉnh sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp dùng chung trên môi trường mạng internet; 100% văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan nhà nước được truyền tải qua mạng (trừ các văn bản mật); 100% các huyện, thị xã, thành phố triển khai ứng dụng "một cửa liên thông điện tử".

- Có 60% sở, ban, ngành triển khai ứng dụng phần mềm điện tử một cửa liên thông; cung cấp dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3 hoặc mức độ 4) có chất lượng, thân thiện, hiệu quả nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; có 60% doanh nghiệp thực hiện giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C) hoặc doanh nghiệp (B2B); từng bước hình thành sản phẩm giao dịch điện tử của tỉnh và kết nối với sản phẩm giao dịch lớn trong cả nước.

**d) Về phổ cập thông tin:**

Đến năm 2015, có ít nhất 20% số hộ gia đình trên toàn tỉnh có máy tính và truy cập Internet băng rộng; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng phát thanh, truyền hình; có đài truyền thanh hoạt động ổn định; trên 95% số hộ có máy thu hình, trong đó 50% xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau, 30% xem được truyền hình cáp.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Nâng cao nhận thức:**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của BCVT&CNTT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tiếp tục quán triệt sâu kỹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Kết luận số 141-KL/TU ngày 18/11/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) “về phát triển BCVT&CNTT” từ nay đến năm 2015; Kế hoạch số 5445/KH-UBND ngày 17/11/2011 của UBND tỉnh về đưa Bình Thuận trở thành tỉnh mạnh về CNTT & TT đến năm 2020...

**2. Tăng cường đầu tư hoàn thiện hạ tầng BCVT&CNTT:**

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, rút ngắn thời gian phát thư, báo đến tận xã và mọi người dân. Phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ lai ghép công nghệ giữa bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; dịch vụ tài chính dựa trên mạng bưu chính điện tử.

- Phát triển viễn thông với tốc độ truy nhập lớn, băng thông rộng; chú ý đầu tư mở rộng mạng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đến các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo để phục vụ tốt nhu cầu xã hội và công tác lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước.

- Cơ bản hoàn thành mạng băng rộng đến các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; kết nối Internet băng rộng đến tất cả các trường học; phủ sóng thông tin di động băng rộng đến các khu dân cư. Tăng cường sử dụng chung về hạ tầng viễn thông, đặc biệt là các trạm BTS. Đẩy nhanh việc quang hóa, ngầm hóa các tuyến cáp và sử dụng chung hạ tầng mạng để nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo mỹ quan, trước hết là tại các trung tâm tỉnh và huyện, thị xã, thành phố.

- Phát triển, nâng cao chất lượng mạng WAN của tỉnh, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt 24/24; hoàn thiện hệ thống thông tin tích hợp các dịch vụ công bảo đảm phục vụ tiện lợi, hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp; từng bước xây dựng, triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong hệ

thống cơ quan nhà nước theo định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin số tại địa phương. Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Các doanh nghiệp BCVT, các sở, ngành, các địa phương phối hợp thực hiện tốt các chương trình BCVT công ích, chương trình mục tiêu quốc gia để phổ cập các dịch vụ viễn thông, internet, phát thanh, truyền hình đến mọi người dân, nhất là ở những vùng khó khăn.

- Phối hợp triển khai dự án “Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng tại Việt Nam” trên địa bàn tỉnh. Bố trí đầy đủ nhân lực và nguồn vốn đối ứng trong và sau khi triển khai thực hiện dự án để đảm bảo tính bền vững của dự án.

- Triển khai thực hiện quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 của Chính phủ, trong đó chú ý thực hiện lộ trình số hóa mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Hoàn thành nghiên cứu tiền khả thi các khu cụm công nghiệp CNTT trên địa bàn để triển khai công tác đầu tư phát triển hạ tầng và xúc tiến kêu gọi đầu tư.... Tạo lợi thế cạnh tranh thu hút đầu tư phát triển về công nghiệp CNTT để từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp CNTT góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa của tỉnh.

### 3. Phát triển nguồn nhân lực:

- Ưu tiên để triển khai các nội dung phát triển nguồn nhân lực theo Kế hoạch số 1212/KH-UBND ngày 22/03/2011 của UBND tỉnh về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015.

- Hàng năm tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng lại để nâng cao nguồn nhân lực hiện có, đào tạo theo hướng mở rộng nhiều đối tượng cán bộ, công chức, vừa đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu công nghệ thông tin để nâng cao kỹ năng ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý công nghệ thông tin cho đội ngũ lãnh đạo (CIO) các đơn vị cấp tỉnh và huyện. Đào tạo ứng dụng công nghệ GIS cho các sở, ngành có liên quan để triển khai Đề án GIS tổng thể. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập tin học cho toàn xã hội; tạo điều kiện phát triển các cơ sở đào tạo công nghệ thông tin, nhằm đáp ứng các

nhu cầu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực CNTT bằng các chính sách hiện có; đồng thời xây dựng chính sách mới để tăng cường thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng; trước hết bảo toàn và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có; khuyến khích thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để phục vụ nhu cầu phát triển công nghệ thông tin của tỉnh.

#### **4. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin:**

- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch số 1212/KH-UBND ngày 22/03/2011 của UBND tỉnh về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015.

- Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các ngành, địa phương bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, liên tục và an toàn; hoàn thành và đưa vào ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp tại tất cả các sở, ngành, các địa phương, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, đồng thời đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Triển khai sử dụng các phần mềm dùng chung bảo đảm thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thiết yếu quản lý tài nguyên, môi trường, CSDL công nghệ GIS,... nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước, đồng thời cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp và mọi người dân.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện xây dựng "một cửa điện tử liên thông" ở các sở, ngành, địa phương; công khai rộng rãi, minh bạch hơn các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước để tất cả các cấp, các ngành thực hiện và phát huy quyền giám sát của người dân; tạo môi trường thuận lợi nhất trong quan hệ giữa chính quyền và nhân dân; tiếp nhận, khai thác, sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, dữ liệu điện tử do Trung ương đầu tư và triển khai, phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sử dụng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện tốt kế hoạch thương mại điện tử đến năm 2015. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và kết nối sàn giao dịch chung trong cả nước.

- Tiếp tục triển khai, thử nghiệm, đánh giá mô hình điểm ứng dụng công nghệ thông tin cấp huyện để tiếp tục triển khai, nhân rộng. Xây dựng giải pháp bảo mật hệ thống thông tin toàn tỉnh để đảm bảo an toàn và an ninh mạng thông tin điện tử.

#### **5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước:**

- Xây dựng, triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển BCVT&CNTT tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố. Phát huy tinh thần chủ động, tích cực của Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin tỉnh. Tăng cường năng lực đội ngũ chuyên trách thông tin và truyền thông, bảo đảm sự quản lý điều hành và hoạt động có hiệu quả tại địa phương.

- Thực hiện tốt việc phân công, phân cấp về khai thác, sử dụng viễn thông và internet. Tăng cường công tác kiểm tra và hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ BCVT & CNTT, internet theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Triển khai xây dựng và thực hiện các Quy hoạch, Kế hoạch về CNTT-TT đã được phê duyệt một cách có hiệu quả. Đồng thời chủ trì hướng dẫn các sở, ngành và địa phương triển khai các ứng dụng, hạng mục CNTT hàng năm đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch cho UBND tỉnh. Đề xuất chính sách, giải pháp, điều chỉnh phát triển CNTT-TT trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Hàng năm thực hiện tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và vốn sự nghiệp chi cho ứng dụng và phát triển CNTT-TT. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hạng mục CNTT-TT trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BCVT&CNTT từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố. Tập trung làm tốt công tác dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch với hệ thống chính sách và thị trường; đảm bảo cho các doanh nghiệp BCVT&CNTT phát triển lành mạnh, bình đẳng. Bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, người tiêu dùng và của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp BCVT & CNTT trên địa bàn tỉnh xây dựng chiến lược hoạt động, kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh; vừa đảm bảo mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự

ng nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển BCVT&CNTT nói riêng. Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp cho Cục Thống kê và Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý, theo dõi và tổng hợp.

## **2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Giúp UBND tính cân đối, bố trí vốn để triển khai nhiệm vụ ứng dụng và phát triển BCVT&CNTT trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch thu chi ngân sách và đầu tư phát triển hàng năm.

## **3. Sở Nội vụ:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan đề xuất chính sách phù hợp nhằm tăng cường khả năng thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao nói chung và nguồn nhân lực CNTT có chất lượng để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước trong việc thành lập, hoạt động của các cơ sở đào tạo CNTT; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh triển khai dạy học bằng giáo án điện tử và thực hiện đưa CNTT vào giảng dạy tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

## **5. Các cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

Xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển BCVT&CNTT đến năm 2015 tại ngành, địa phương mình. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Sở TT&TT tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về phát triển BCVT&CNTT trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương.

Định kỳ hàng năm, các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TTTH, VH. Huy

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Tâm**